

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 26

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		7,543,064,777,423	7,327,979,031,849
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	IV.1	191,647,278,189	152,508,587,674
1. Tiền		111		191,647,278,189	152,508,587,674
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	IV.2	4,051,919,544,909	3,906,840,869,585
1. Chứng khoán kinh doanh		121	IV.2a	178,978,602,551	14,236,657,070
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		(221,378,205)	(26,695,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	IV.2a	3,873,162,320,563	3,892,630,907,515
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		943,784,439,444	894,390,955,179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	IV.3	485,398,215,610	508,216,985,965
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1		485,398,215,610	505,026,777,965
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		-	3,190,208,000
2. Trả trước cho người bán		132	IV.4	164,521,099,968	160,911,002,969
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		6,570,000,000	6,570,000,000
5. Các khoản phải thu khác		136	IV.5	399,239,322,592	330,026,784,765
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	IV.6	(111,944,198,726)	(111,333,818,520)
IV Hàng tồn kho		140		6,756,161,477	1,861,097,801
1. Hàng tồn kho		141	IV.7	6,756,161,477	1,861,097,801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		713,574,252,028	671,509,644,130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	IV.8a	689,187,965,874	645,710,200,393
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1		433,786,389,526	390,719,147,172
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		255,401,576,348	254,991,053,221
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		21,403,574,481	25,097,573,421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	IV.9	2,982,711,673	701,870,316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm		190		1,635,383,101,376	1,700,867,877,480
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191	IV.18	943,067,835,326	1,065,833,353,023
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192	IV.18	692,315,266,050	635,034,524,457

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,573,385,490,114	1,236,780,529,754
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		17,740,456,344	18,089,886,286
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		17,740,456,344	18,089,886,286
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		9,740,456,344	10,089,886,286
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		319,302,368,682	110,136,553,369
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	IV.10	294,443,027,707	85,177,014,058
	Nguyên giá	222		417,502,680,252	197,874,597,399
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123,059,652,545)	(112,697,583,341)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	IV.11	24,859,340,975	24,959,539,311
	Nguyên giá	228		39,358,603,304	38,685,603,304
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14,499,262,329)	(13,726,063,993)
III	Bất động sản đầu tư	230	IV.12	110,723,183,720	324,719,731,259
	Nguyên giá	231		128,018,569,642	346,058,942,494
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17,295,385,922)	(21,339,211,235)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		19,981,345,817	19,604,709,679
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.13	19,981,345,817	19,604,709,679
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,071,980,487,561	725,766,284,005
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV.2b	27,384,124,269	24,301,408,015
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	IV.2c	30,129,400,000	30,129,400,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(14,969,035,338)	(14,969,035,338)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	IV.2a	1,029,435,998,630	686,304,511,328
VI	Tài sản dài hạn khác	260		33,657,647,990	38,463,365,156
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8b	33,657,647,990	38,463,365,156
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		9,116,450,267,537	8,564,759,561,603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		6,898,149,720,900	6,384,536,626,829
I Nợ ngắn hạn		310		6,866,898,416,558	6,378,842,217,489
1. Phải trả cho người bán		311	IV.14	660,846,433,595	538,684,318,279
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		647,145,771,671	515,439,391,359
<i>Phải trả BHG</i>				-	340,259,182,198
<i>Phải trả các khoản giảm thu</i>				-	-
<i>Phải trả TBH</i>				-	-
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		13,700,661,924	23,244,926,920
<i>Phải trả về HĐ ĐTTC</i>				-	-
<i>Phải trả khác cho người bán</i>				-	-
2. Người mua trả tiền trước		312	IV.15	9,026,332,144	6,899,172,213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV.16	45,371,596,976	74,451,733,263
4. Phải trả người lao động		314		108,332,169,989	116,671,147,696
5. Chi phí phải trả		315		1,095,746,633	17,454,785,143
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		47,244,466,455	133,432,368,564
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		329,649,481,174	345,133,359,458
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	IV.17	112,531,352,904	107,378,375,323
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		150,000,000,000	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		136,800,000,000	136,800,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		51,513,466	26,838,138
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ		329	IV.18	5,265,949,323,222	4,901,910,119,412
13.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	IV.18a	3,585,609,842,427	3,366,993,634,760
13.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		319.2	IV.18a	1,580,636,883,929	1,450,296,486,631
13.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>		319.3	IV.18b	99,702,596,866	84,619,998,021
II Nợ dài hạn		330		31,251,304,342	5,694,409,340
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2. Phải trả dài hạn khác		337		27,998,666,562	2,390,697,343
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		3,252,637,780	3,303,711,997

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,218,300,546,637	2,180,222,934,774
	Vốn chủ sở hữu	410	2,218,300,546,637	2,180,222,934,774
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	827,943,052,804	827,943,052,804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	26,019,645,665	26,019,645,665
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	80,395,709,000	80,395,709,000
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	476,453,457,420	438,388,382,483
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	438,194,872,055	193,504,792,915
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	38,258,585,365	244,883,589,568
12	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	3,531,591,748	3,519,054,822
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	9,116,450,267,537	8,564,759,561,603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		221,437,230,671	178,104,873,414
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		211,802.32	513,029.43
Euro (EUR)		119,428.20	119,430.93
Dollar Singapore (SGD)			
Yên Nhật (¥)			
Dollar Úc (AUD)			
Bảng Anh (£)		313.28	314.93
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		1,305,155,426,293	1,164,485,713,404
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		1,019,914,196	2,829,647,755
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	76,353,828,141	88,069,907,475
4. Thu nhập khác	13		380,460,114	2,070,677,378
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		1,276,922,021,257	1,001,130,496,185
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		859,364,044	407,383,146
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	4,920,215,694	14,288,169,541
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		-	-
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	V.4	56,247,314,383	156,922,900,573
9. Chi phí khác	24		27,236,951	26,033,220
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		3,083,014,426	257,225,328
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		47,016,490,841	84,938,188,675

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8,808,979,693	16,932,554,133
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(51,074,217)	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>38,258,585,365</u>	<u>68,005,634,542</u>
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		20,991,742	18,320,507
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		38,237,593,623	67,987,314,035
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	<u>476</u>	<u>846</u>

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đài Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: đồng)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I.2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	1,701,480,816,026	1,701,480,816,026	1,436,013,419,606
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,885,194,923,629	1,885,194,923,629	1,534,186,620,393
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		34,902,100,064	34,902,100,064	22,113,767,051
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		218,616,207,667	218,616,207,667	120,286,967,838
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		534,602,656,861	534,602,656,861	436,050,825,879
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		411,837,139,164	411,837,139,164	470,771,608,103
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(122,765,517,697)	(122,765,517,697)	34,720,782,224
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		1,166,878,159,165	1,166,878,159,165	999,962,593,727
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		138,277,267,128	138,277,267,128	164,523,119,677
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		124,921,386,926	124,921,386,926	146,186,438,112
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		13,355,880,202	13,355,880,202	18,336,681,565
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1		1,305,155,426,293	1,305,155,426,293	1,164,485,713,404
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-	-	-
6. Chi bồi thường	11		570,957,739,804	570,957,739,804	523,503,939,407
- Tổng chi bồi thường	11.1		572,605,626,189	572,605,626,189	526,501,331,908
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		1,647,886,385	1,647,886,385	2,997,392,501
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		143,443,811,347	143,443,811,347	137,694,163,499

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý I.2022	Quý I.2021	Năm trước
8.	13		Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	130,340,397,298	(2,552,998,244)	(2,552,998,244)
9.	14		Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	57,280,741,593	(7,118,779,426)	(7,118,779,426)
10.	15		Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	500,573,584,162	390,375,557,090	390,375,557,090
11.	16		Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	15,082,598,845	10,855,287,793	10,855,287,793
12.	17		Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	761,265,838,250	599,899,651,302	599,899,651,302
	17.1		- Chi hoa hồng bảo hiểm	162,573,744,556	172,330,913,820	172,330,913,820
	17.2		- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	598,692,093,694	427,568,737,482	427,568,737,482
13.1	18.1		Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	1,276,922,021,257	1,001,130,496,185	1,001,130,496,185
13.2	18.2		Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	-	-	-
14.1	19.1		Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	28,233,405,036	163,355,217,219	163,355,217,219
14.2	19.2		Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	-	-	-
15.	20		Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1,019,914,196	2,829,647,755	2,829,647,755
16.	21		Giá vốn bất động sản đầu tư	859,364,044	407,383,146	407,383,146
17.	22		Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	160,550,152	2,422,264,609	2,422,264,609
18.	23	V.2	Doanh thu hoạt động tài chính	76,353,828,141	88,069,907,475	88,069,907,475
19.	24	V.3	Chi phí hoạt động tài chính	4,920,215,694	14,288,169,541	14,288,169,541
20.	25		Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	71,433,612,447	73,781,737,934	73,781,737,934
21.	26.1		Chi phí bán hàng	-	-	-
21.	26.2	V.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	56,247,314,383	156,922,900,573	156,922,900,573
22.	30		Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	43,580,253,252	82,636,319,189	82,636,319,189

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
23.	31		Thu nhập khác	380,460,114	2,070,677,378
24.	32		Chi phí khác	27,236,951	26,033,220
25.	40		Lợi nhuận khác (40=31-32)	353,223,163	2,044,644,158
25.	41		Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	3,083,014,426	257,225,328
26.	50		Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	47,016,490,841	84,938,188,675
27.	51		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8,808,979,693	16,932,554,133
28.	52		Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(51,074,217)	-
29.	60		Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52)	38,258,585,365	68,005,634,542
37.	60.1		Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20,991,742	18,320,507
38.	60.2		Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	38,237,593,623	67,987,314,035
30.	70	V.5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	476	846

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47,016,490,841	84,938,188,675
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,091,442,227	3,981,302,265
- Các khoản dự phòng	03		430,329,043,325	108,560,821,771
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59,605,293,322)	(64,836,905,923)
- Chi phí lãi vay	06		869,435,528	854,503,431
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		425,701,118,599	133,497,910,220
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(77,273,833,616)	18,289,711,637
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,895,063,676)	142,464,154
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22,692,173,270	125,966,048,939
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(38,672,048,315)	21,356,472,172
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(164,741,945,481)	(155,753,195,221)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(869,435,528)	(854,503,431)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31,900,428,461)	(20,514,843,895)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24,675,328	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		130,065,212,120	122,130,064,575
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,637,346,139)	(209,585,966,795)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(871,667,009,939)	(888,304,407,310)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		548,004,109,589	548,004,109,589
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(3,082,716,254)	(257,225,328)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88,495,413,781	39,618,606,961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(240,887,548,962)	(510,524,882,884)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		150,000,000,000	224,354,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38,972,643)	(121,864,063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		149,961,027,357	224,232,135,937
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		39,138,690,515	(164,162,682,372)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	152,508,587,674	298,018,898,197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	191,647,278,189	133,856,215,825

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

QUÝ I BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	95,32%	95,32%	95,32%	95,32%

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 Tổng Công ty có 2.504 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.539 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7,657,770,495	6,724,197,319
Tiền gửi ngân hàng	181,626,037,694	145,319,890,355
Tiền đang chuyển	2,363,470,000	464,500,000
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	-	-
Cộng	<u>191,647,278,189</u>	<u>152,508,587,674</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	178,978,602,551	178,757,224,346	14,236,657,070	14,209,962,070
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,902,598,319,193	4,895,254,319,193	4,578,935,418,843	4,571,591,418,843
<i>Ngắn hạn</i>	3,873,162,320,563	3,873,162,320,563	3,892,630,907,515	3,892,630,907,515
Tiền gửi có kỳ hạn	3,773,162,320,563	3,773,162,320,563	3,792,630,907,515	3,792,630,907,515
Đầu tư trái phiếu	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
<i>Dài hạn</i>	1,029,435,998,630	1,022,091,998,630	686,304,511,328	678,960,511,328
Tiền gửi có kỳ hạn	634,857,698,630	634,857,698,630	291,726,211,328	291,726,211,328
Đầu tư trái phiếu	387,234,300,000	387,234,300,000	387,234,300,000	387,234,300,000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	7,344,000,000	-	7,344,000,000	-
Cộng	5,081,576,921,744	5,074,011,543,539	4,593,828,075,913	4,586,457,380,913

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽¹⁾	20,152,200,000 (6,563,320,292)	13,588,879,708		20,152,200,000 (6,563,320,292)	13,588,879,708	
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽²⁾	14,292,700,000	- 14,292,700,000		14,292,700,000	- 14,292,700,000	
Cộng	34,444,900,000 (6,563,320,292)	27,881,579,708		34,444,900,000 (6,563,320,292)	27,881,579,708	

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	10,101,972,509	2,809,372,499	-	-	12,911,345,008
(2)	14,199,435,506	273,492,841	-	(149,086)	14,472,779,261
Cộng	24,301,408,015	3,082,865,340	-	(149,086)	27,384,124,269

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15,000,000,000	7,625,035,338	15,000,000,000	7,625,035,338
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	30,129,400,000	7,625,035,338	30,129,400,000	7,625,035,338

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	300,120,512,752	330,775,955,361
Phải thu về tái bảo hiểm	185,277,702,858	174,250,822,604
Phải thu khách hàng khác	-	3,190,208,000
Cộng	<u>485,398,215,610</u>	<u>508,216,985,965</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	109,165,976,502	123,625,392,746
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	2,022,099,896	2,145,266,420
Trả trước cho nhà cung cấp khác	53,333,023,570	35,140,343,803
Cộng	<u>164,521,099,968</u>	<u>160,911,002,969</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	196,052,581,005	224,942,701,464
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Tuệ - Dự án biệt thự Đà Lạt	55,514,920,773	55,514,920,773
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18,000,000,000	18,000,000,000
Tạm ứng kinh doanh	68,535,186,790	15,237,725,009
Ký quỹ	8,813,982,255	8,292,280,330
Các khoản phải thu khác	52,322,651,769	8,039,157,189
Cộng	<u>399,239,322,592</u>	<u>330,026,784,765</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	111,333,818,520	104,822,740,950
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	610,380,206	15,050,299,102
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(8,539,221,532)
Số cuối kỳ	<u>111,944,198,726</u>	<u>111,333,818,520</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2,093,183,613	1,651,228,410
Công cụ, dụng cụ	100,780,591	58,401,391
Hàng hóa	4,562,197,273	151,468,000
Cộng	6,756,161,477	1,861,097,801

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	433,786,389,526	390,719,147,172
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	255,401,576,348	254,991,053,221
Cộng	689,187,965,874	645,710,200,393

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	390,719,147,172	404,700,563,407
Số phát sinh trong kỳ	205,640,986,910	644,499,311,584
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(162,573,744,556)	(658,480,727,819)
Số dư cuối kỳ	433,786,389,526	390,719,147,172

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	3,254,043,647	5,615,637,228
Chi phí thuê nhà	8,836,981,184	5,895,718,621
Chi phí phát triển đại lý	1,063,391,548	1,260,582,489
Các khoản chi phí khác	20,503,231,611	25,691,426,818
Cộng	33,657,647,990	38,463,365,156

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	35,177,509	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	2,932,230,861	693,567,013
Thuế khác	15,303,303	8,303,303
Cộng	2,982,711,673	701,870,316

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21,995,579,410	237,270,000	126,555,753,125	49,085,994,864	197,874,597,399
Tăng trong kỳ	218,040,372,852	-	1,153,046,364	434,663,637	219,628,082,853
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	240,035,952,262	237,270,000	127,708,799,489	49,520,658,501	417,502,680,252
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4,709,784,094	210,763,024	75,152,187,339	32,624,848,884	112,697,583,341
Khấu hao trong kỳ	6,227,346,364	3,804,999	2,302,322,845	1,828,594,996	10,362,069,204
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	10,937,130,458	214,568,023	77,454,510,184	34,453,443,880	123,059,652,545
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17,285,795,316	26,506,976	51,403,565,786	16,461,145,980	85,177,014,058
Số cuối kỳ	229,098,821,804	22,701,977	50,254,289,305	15,067,214,621	294,443,027,707

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19,181,218,618	19,504,384,686	38,685,603,304
Tăng trong kỳ	-	673,000,000	673,000,000
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	19,181,218,618	20,177,384,686	39,358,603,304
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	13,726,063,993	13,726,063,993
Khấu hao trong kỳ	-	773,198,336	773,198,336
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	14,499,262,329	14,499,262,329
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19,181,218,618	5,778,320,693	24,959,539,311
Số cuối kỳ	19,181,218,618	5,678,122,357	24,859,340,975

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	346,058,942,494	346,058,942,494
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(218,040,372,852)	(218,040,372,852)
Số cuối kỳ	-	128,018,569,642	128,018,569,642
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	21,339,211,235	21,339,211,235
Khấu hao trong kỳ	-	714,992,344	714,992,344
Giảm trong kỳ	-	(4,758,817,657)	(4,758,817,657)
Số cuối kỳ	-	17,295,385,922	17,295,385,922
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	324,719,731,259	324,719,731,259
Số cuối kỳ	-	110,723,183,720	110,723,183,720

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	9,807,483,560	376,636,138	-	-	10,184,119,698
XDCB dở dang	9,797,226,119	-	-	-	9,797,226,119
Cộng	19,604,709,679	376,636,138	-	-	19,981,345,817

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	232,728,906,690	172,946,212,173
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	410,030,852,765	317,085,177,202
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	4,386,012,216	25,408,001,984
Phải trả cho nhà cung cấp khác	13,700,661,924	23,244,926,920
Cộng	660,846,433,595	538,684,318,279

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	9,026,332,144	6,899,172,213
Người mua trả tiền trước khác	-	-
Cộng	9,026,332,144	6,899,172,213

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	26,847,283,291	30,776,883,277
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,775,835,343	31,867,284,111
Thuế thu nhập cá nhân	9,663,092,164	10,521,081,885
Thuế khác	85,386,178	1,286,483,990
Cộng	45,371,596,976	74,451,733,263

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1,324,457,765	249,894,318
Kinh phí công đoàn	5,808,742,361	6,691,240,294
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10,739,202,906	10,778,175,549
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50,000,000	50,000,000
Thuế nhà thầu tạm giữ	1,810,777	185,610,396
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	13,465,922,594	17,982,670,765
Thu phí bảo hiểm chưa đổi chiếu	60,616,424,672	30,532,118,496
Các khoản khác	20,524,791,829	40,908,665,505
Cộng	112,531,352,904	107,378,375,323

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	(6) = (4) – (5)
18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng bồi thường						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,580,636,883,929	692,315,266,050	888,321,617,879	635,034,524,457	815,261,962,174	
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	1,452,006,115,823	654,835,487,193	797,170,628,630	597,554,745,600	724,110,972,925	
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	128,630,768,106	37,479,778,857	91,150,989,249	37,479,778,857	91,150,989,249	
Cộng	<u>3,585,609,842,427</u>	<u>943,067,835,326</u>	<u>2,642,542,007,101</u>	<u>1,065,833,353,023</u>	<u>2,301,160,281,737</u>	
	<u>5,166,246,726,356</u>	<u>1,635,383,101,376</u>	<u>3,530,863,624,980</u>	<u>1,700,867,877,480</u>	<u>3,116,422,243,911</u>	
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,450,296,486,631	635,034,524,457	815,261,962,174	521,255,463,634	681,931,375,897	
Số trích lập trong kỳ	130,340,397,298	57,280,741,593	73,059,655,705	113,779,060,823	133,330,586,277	
Số dư cuối kỳ	<u>1,580,636,883,929</u>	<u>692,315,266,050</u>	<u>888,321,617,879</u>	<u>635,034,524,457</u>	<u>815,261,962,174</u>	
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3,366,993,634,760	1,065,833,353,023	2,301,160,281,737	894,555,566,300	2,231,748,540,834	
Số trích lập trong kỳ	218,616,207,667	(122,765,517,697)	341,381,725,364	171,277,786,723	69,411,740,903	
Số dư cuối kỳ	<u>3,585,609,842,427</u>	<u>943,067,835,326</u>	<u>2,642,542,007,101</u>	<u>1,065,833,353,023</u>	<u>2,301,160,281,737</u>	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng giao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	84,619,998,021	42,506,326,441
Số trích lập thêm trong kỳ	15,082,598,845	42,113,671,580
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>99,702,596,866</u>	<u>84,619,998,021</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	23,517,729,849	67,912,037,589	294,419,361,506	3,403,565,045	2,021,152,836,793
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	257,367,260,979	115,483,501	257,482,744,480
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	12,483,671,411	(14,985,587,227)	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	2,501,915,816	-	(80,395,709,000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(80,395,709,000)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(5,003,831,631)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(2,501,915,817)	-	(2,501,915,817)
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(5,003,831,631)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(111,051,995)	-	111,051,995.00
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	438,388,382,483	6,276	(5,396,306,425)
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	438,388,382,483	3,519,054,822	2,180,222,934,774
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	38,237,593,623	3,519,054,822	2,180,222,934,774
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	20,991,742	38,258,585,365
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do công ty con phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	476,453,457,420	(8,454,816)	(180,973,502)
						3,531,591,748	2,218,300,546,637

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80,400,000	80,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80,395,709	80,395,709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80,395,709	80,395,709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	1,904,291,919,012	1,553,296,131,098
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(19,096,995,383)	(19,109,510,705)
Phí nhận tái bảo hiểm	35,570,121,705	22,423,418,822
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(668,021,641)	(309,651,771)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(218,616,207,667)	(120,286,967,838)
Doanh thu thuần	1,701,480,816,026	1,436,013,419,606

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	59,591,508,137	64,836,786,412
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	54,827,339	77,906,364
Lãi kinh doanh chứng khoán	15,342,200,676	21,706,251,274
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,351,506,804	1,448,559,778
Lãi đầu tư dài hạn	13,785,185	403,647
Cộng	76,353,828,141	88,069,907,475

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	869,435,528	854,503,431
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	945,767,450	822,938,201
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	194,683,205	2,543,233,892
Lỗ kinh doanh chứng khoán	2,693,109,411	4,879,850,296
Chi phí tài chính khác	217,220,100	5,187,643,721
Cộng	4,920,215,694	14,288,169,541

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30,231,361,470	71,703,711,870
Chi phí nguyên liệu vật liệu	264,615,541	6,352,689,368
Chi phí dụng cụ quản lý	1,555,077,141	3,703,637,232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,220,031,361	4,001,853,843
Thuế phí và lệ phí	1,613,834,200	4,650,344,780
Chi phí dự phòng	610,380,206	5,030,333,290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,901,049,294	28,755,154,268
Chi phí khác bằng tiền	9,850,965,170	32,725,175,922
Cộng	56,247,314,383	156,922,900,573

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38,237,593,623	67,987,314,035
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38,237,593,623	67,987,314,035
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80,395,709	80,395,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	476	846

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu